TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HS-PT
Ngày 27 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Trần Thị L**, sinh năm 1987 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp Cù Lao, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L, sinh năm 1951 và bà Trần Thị B, sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018, đến ngày 20/4/2018 bị khởi tố bị can và tạm giam cho đến nay, (có mặt).

- *Bị hại không có kháng cáo*: Chị Trần Thanh T, 1991 và anh Lưu Thanh P, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị L được anh Lưu Thanh P, chị Trần Thị T thuê giúp việc nhà cho anh P, chị T tại phòng số 7 dãy P, Khu tập thể thuộc Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, đến khoảng 13 giờ ngày 28/3/2018, khi anh P và chị T đi làm, trong lúc dọn dẹp nhà thì bị cáo đến phòng ngủ của chị T, anh P thấy cửa tủ gỗ trong phòng ngủ không khóa, bị cáo mở tủ lấy một hộp hình tròn màu đỏ bên trong có: 01 sợi dây chuyền hình bông mai vàng 24k, trọng lượng

05 chỉ, 01 lắc tay hình bông mai vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 kiềng vàng 24k, trong lượng 05 chỉ, 01 vòng đeo tay vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 nhẫn mặt tợ vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 nhẫn hình tròn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 07 chiếc vòng ximen vàng 18k, trong lượng 9,5 chỉ, 01 đôi bông tai "hình chữ)(" vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ; 01 tấm lắc vàng 18k, trọng lượng 3 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ, 02 miếng vàng SJC, mỗi miếng trọng lượng 02 chỉ, 01 miếng vàng SJC, trọng lượng 01 chỉ, 01 nhẫn ngôi sao vàng 18k, trọng lượng 0,85 chỉ, 01 nhẫn hột hình lá vàng 18, trọng lượng 0,62 chỉ, 03 chiếc nhẫn hình tròn vàng 24k, mỗi chiếc trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn hình tròn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ. Sau đó, bị cáo để toàn bộ số vàng lấy được vào trong cốp xe gắn máy biển kiểm soát 94AB-060.71 của bị cáo cất giấu và tiếp tục làm việc.

Đến 17 giờ cùng ngày chị T đi làm về, bị cáo ra về và điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 94AB-060.71 đến tiệm vàng K thuộc Khóm 2, Phường 3, thành phố B lấy ra 02 miếng vàng SJC trọng lượng mỗi miếng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ, bán được số tiền 18.000.000đ, số vàng còn lại bị cáo vẫn để trong cốp xe. Số tiền bán vàng bị cáo trả nợ cá nhân cho bà Ph 2.500.000đ, trả cho bà B 2.000.000đ, trả cho bà H 3.300.000đ (cả 03 người trên đều không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) và trả cho bà Kim Ngọc Ph 1.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Qua ngày hôm sau, bị cáo vẫn đến nhà chị T và anh P làm việc như hàng ngày và biết được chị T, anh P chưa phát hiện được bị mất tài sản, đến khoảng hơn 17 giờ ngày 30/3/2018, bị cáo tiếp tục điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 94AB-060.71 đến tiệm vàng K lấy ra 01 lắc tay hình bông mai vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền hình bông mai, vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 vòng đeo cổ (kiềng) vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 vòng đeo tay vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, bán được số tiền 76.000.000đ, số vàng còn lại bị cáo vẫn để trong cốp xe, số tiền bán vàng bị cáo trả nợ cho bà Thạch Thị Hồng Hài N số tiền 14.000.000đ, gửi ông Trần L cất giữ dùm số tiền 20.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 17 giờ ngày 01/4/2018, bị cáo vẫn đến nhà chị T làm việc bình thường và tiếp tục đến tiệm vàng K bán 01 bộ (07 chiếc) vòng ximen 18k, 01 chiếc nhẫn hình mặt tợ vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ; đối với 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, bị cáo Loan bán 03 chỉ, còn lại đổi 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ. Bị cáo dùng tiền bán vàng mua lại 01 sợi dây chuyền có mặt hình phật quan âm vàng 24k, trọng lượng 6,015 chỉ, 01 lắc đeo tay vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền mặt hình ông địa vàng 18k, trọng lượng 1,802 chỉ và 01 chiếc nhẫn hột màu đỏ vàng 18k, trọng lượng 0,7 chỉ, số tiền còn lại bị cáo giữ để chi xài, đến chiều ngày 07/4/2018, bị cáo đến của hàng Thế giới di động ở Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sử dụng số tiền bán tài sản mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Rrime, màu trắng hồng, trị giá 5.490.000đ.

Số vàng lấy trộm còn lại và số vàng mua được ở tiệm vàng K bị cáo gửi cho ông Trần L (cha ruột bị cáo Loan) cất giữ giùm; trả cho anh Sơn Ph chồng bị cáo chiếc nhẫn trơn vàng 24k trong lượng 02 chỉ; gởi cho bà Sơn Thị Xa R mẹ chồng bị cáo giữ dùm số tiền 39.000.000đ.

Ngày 09/4/2018, bị cáo L xin nghỉ làm thuê cho chị T, anh P và giới thiệu bà Sơn Thị Ngọc L (là chị chồng bị cáo) đến làm, bà L làm được 01 ngày thì nghỉ làm. Đến ngày 11/4/2018, chị T mở tủ gỗ kiểm tra lại tài sản thì phát hiện bị mất, nên đến Công an Phường 1, thành phố B trình báo. Công an mời bị cáo L lên làm việc và tạm giữ trên người bị cáo số tiền 5.391.000đ. Qua làm việc bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 11/4/2018, ông Trần L cha bị cáo tự nguyện giao nộp số vàng bị cáo nhờ giữ gồm: 01 chiếc lắc vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ, 01 nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ, 01 nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn ngôi sao vàng 18k, trọng lượng 0,85 chỉ, 01 nhẫn hột hình lá vàng 18, trọng lượng 0,62 chỉ, 01 sợi dây chuyền có mặt hình phật quan âm vàng 24k, trọng lượng 6,015 chỉ, 01 lắc đeo tay vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền mặt hình ông địa vàng 18k, trọng lượng 1,802 chỉ và 01 chiếc nhẫn hột màu đỏ vàng 18k, trọng lượng 0,7 chỉ và số tiền 10.000.000đ; bà Sơn Thị Xa R tự nguyện giao nộp số tiền 39.000.000đ; anh Sơn Ph hay tin bị cáo phạm tội, nên tự nguyện đến cơ quan điều tra giao nộp 01 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu trắng hồng đã qua sử dụng.

Ngày 20/4/2018, bà Thạch Thị Hồng Hài N đến cơ quan Công an giao nộp số tiền 7.000.000đ, ngày 29/4/2018 bà Kim Ngọc Ph cũng đến Cơ quan Công an giao nộp 1.000.000đ và ngày 20/6/2018 ông Trần L tiếp tục giao nộp số tiền 10.000.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 93/KL-HDĐGTS ngày 15/6/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thành phố B kết luận giá vàng các loại mua vào và bán ra tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trên cơ sở số vàng bị cáo lấy trộm thì tổng giá trị tài sản bị cáo trộm là 202.341.640đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2018/HS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 11/4/2018. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, bị cáo Trần Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều

tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan bị cáo. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2018/HSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ý kiến tranh luận của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì sau khi bị cáo bị bắt, theo lời khai của bị cáo mà gia đình bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm là 202.341.640đ, nhưng gia đình bị cáo đã khắc phục còn số tiền thiệt hại theo Bản án sơ thẩm đã tuyên là 55.929.136đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 13 giờ ngày 28/3/2018, tại nhà số 7 dãy P, Khu tập thể thuộc Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trong lúc dọn dẹp nhà của anh P, chị T bị cáo đã lợi dụng lúc anh P, chị T không có nhà để lấy trộm tài sản của anh P, chị T với tổng giá trị tài sản qua định giá là 202.341.640đ, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan bị cáo.

[2] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[3] Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, qua lời khai của bị cáo mà gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp tài sản bị cáo trộm còn lại, cũng như tài sản do bị cáo mua từ số tiền bán tài sản trộm có được và số tiền bán tài sản bị cáo gửi cho gia đình cất giữ dùm, để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình thiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thiếu sót, ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, có căn cứ để cấp phúc thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có tiền chi xài cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo không những xem thường pháp luật, mà còn gây tâm lý hoang mang lo sợ cho những người đang quản lý tài sản hợp pháp của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới cải tạo được ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo, và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cũng cần phải xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của bị hại giá trị rất lớn. Tuy nhiên, gia đình bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 146.412.000đ, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo bị truy tố là phù hợp. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích thì đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt, các đề nghị khác về tội danh và điều luật truy tố là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị L không phải nộp án phí.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2018/HSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc

Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị L, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2018/HS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 11/4/2018.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị L không phải nộp.

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2018/HSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND Tp. Bạc Liêu (02 bản);
- CQĐT Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Cơ quan THA hình sự CA Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP (03b).